TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46 /2019/DS-ST
Ngày 23 - 10 -2019
V/v tranh chấp
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

2. Ông Nguyễn Hữu Phúc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:

Bà Đàm Thị Mỏl – Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Võ Văn D, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: ấp Y, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn C, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Lê Văn B, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: ấp Y, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Lê Văn T, sinh năm: 1994.

2. Bà Võ Thị N, sinh năm: 1971.

3. Anh Lê Văn S, sinh năm: 1990.

4. Anh Lê Văn K, sinh năm: 1996.

Cùng địa chỉ: ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Lê Thị L, sinh năm: 1973.

6. Chị Lê Thị Bích T, sinh năm: 1993.

7. Anh Lê Văn D, sinh năm: 1995.

Cùng địa chỉ: ấp Y, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8. Bà Nguyễn Thị E, sinh năm: 1932.

9. Chị Võ Thị H, sinh năm: 1983

10. Chị Võ Thị D, sinh năm: 1987.

11. Chị Võ Thị T1, sinh năm: 1963.

12. Chị Võ Thị T2, sinh năm: 1974

13. Chị Võ Thị L, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: ấp Y, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

14. Ông Võ Văn K, sinh năm: 1953.

15. Chị Võ Thị B, sinh năm: 1979

16. Anh Võ Văn T, sinh năm: 1972

17. Chị Võ Thị M, sinh năm: 1966.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

18. Ông Võ Văn C, sinh năm: 19…(chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa tố tụng của ông C:

18.1. Bà Thái Thị C, sinh năm: 1969

18.2. Chị Võ Thị Thanh N, sinh năm: 1990

18.3. Chị Võ Thị Thủy T, sinh năm: 1993

18.4. Anh Võ Minh T, sinh năm: 1996

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

19. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Thanh S - chức vụ: Chủ tịch

Địa chỉ: Khóm Z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông D có mặt tại phiên tòa. Ông Lê Văn C, ông Lê Văn B, anh Lê Văn T, bà Võ Thị N, anh Lê Văn S, anh Lê Văn K, chị Lê Thị L, chị Lê Thị Bích T, anh Lê Văn D vắng mặt lần 02 không lý do. Bà E, chị Võ Thị H, chị Võ Thị D, bà Võ Thị T1, chị Võ Thị T2, chị Võ Thị L, anh Võ Văn K, anh Võ Văn B, anh Võ Văn T, chị Võ Thị M, bà Thái Thị C, chị Võ Thị Thanh N, chị Võ Thị

Thủy T, anh Võ Minh T, Ủy ban nhân dân huyện T có Người đại diện theo pháp luật ông Huỳnh Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 27/05/2015 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn D trình bày:

Đất tranh chấp có nguồn gốc Nhà nước cấp cho ba ông Võ Văn D là ông Võ Văn L vào năm 1990, diện tích 05 mẫu ruộng, và cấp cho ông Võ Văn C 05 mẫu (ông Võ Văn C anh ông Võ Văn D) và mua thêm ông P hơn 1 mẫu, như vậy tổng cộng là 11 mẫu. Năm 1993 Nhà nước tiến hành múc kênh A nên có múc ngang phần đất của gia đình ông, từ đó chia đất ra làm 2 phần. Phần hướng Tây Bắc của kênh A thì đã bán lại cho người khác, phần còn lại Đông Nam của kênh thì gia đình tiếp tục sử dụng. Tuy nhiên, khi Nhà nước tiến hành đo đạc cấp đất thì chỉ cấp cho gia đình ông ngoài phạm vi 35 m, tính từ kênh A trở ra, không cấp cho dân. Do đó gia đình ông Võ Văn D chỉ được đăng ký QSD đất phần đất còn lại. Năm 2000 ông Võ Văn L cho ông Võ Văn D phần đất tranh chấp sử dụng.

Năm 2003- 2004 ông Lê Văn C, ông Lê Văn B đã tự ý vào trồng cây bạch đàng trên đất do gia đình ông Võ Văn D quản lý với tổng diện tích là 3.368m^2. Năm 2007 các bên phát sinh tranh chấp đến nay. Nay ông Võ Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn B di dời các cây trồng trên đất trả lại diện tích đất theo sơ đồ đo đạc thực tế của Tòa án như sau:

- Phần giáp kênh A tại các mốc 5,6,7,8,9 diện tích 485m^2

-- Phần giáp đất ông Võ Văn D đang sử dụng tại các mốc 9,10,11,12,13,18 diện tích 501m^2 .

Buộc ông Lê Văn C, ông Lê Văn T di dời các cây trồng trên đất trả lại diện tích đất theo sơ đồ đo đạc thực tế của Tòa án như sau:

- Phần giáp kênh A tại các mốc 2,3,4,5,19, diện tích 594m^2.

- Phần giáp đất ông Võ Văn D đang sử dụng tại các mốc 1,18,13,14,15,16,17 diện tích 1.503m^2.

Tổng diện tích qua đo đạc thực tế 3.083m^2.

- Bị đơn ông Lê Văn C, ông Lê Văn B đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không nhận văn bản, đến nay không có văn bản ý kiến và tài liệu, chứng cứ nộp (gửi) cho Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bà Võ Thị N, anh Lê Văn T, anh Lê Văn S, anh Lê Văn K, bà Lê Thị L, chị Lê Thị Bích T, anh Lê Văn D đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không nhận văn bản, đến nay không có văn bản ý kiến và tài liệu, chứng cứ nộp (gửi) cho Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bà Nguyễn Thị E, chị Võ Thị H, chị Võ Thị D, chị Võ Thị T, chị Võ Thị T, chị Võ Thị L, ông Võ Văn K, chị Võ Thị B, anh Võ Văn T, chị Võ Thị M, bà Thái Thị C, chị Võ Thị Thanh

N, chị Võ Thị Thủy T, anh Võ Minh T có đơn xin giải quyết vắng mặt, có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án như sau:

Đất tranh chấp có nguồn gốc Tập đoàn cấp cho ông Võ Văn L (chồng, cha, ông nội của chúng tôi), hiện nay ông Võ Văn L đã chết. Diện tích đất tranh chấp nêu trên ông Võ Văn D quản lý và sử dụng từ năm 2000 cho đến nay. Nay phát sinh tranh chấp chúng tôi không có ý kiến và không yêu cầu Tòa án giải quyết cho quyền lợi của chúng tôi, tài sản trên là của ông Võ Văn D, tùy ông Võ Văn D quyết định, chúng tôi không có tranh chấp, thống nhất ý kiến ông Võ Văn D tranh chấp đất với gia đình ông Lê Văn C và gia đình ông Lê Văn B. Mọi quyết định của ông Võ Văn D chúng tôi đều thống nhất không khiếu nại về sau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T, người đại diện theo pháp luật ông Huỳnh Thanh S có đơn xin giải quyết vắng mặt, có văn bản ý kiến trình bày như sau:

Diện tích đất tranh chấp 3.368m^2, thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã H nằm trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét duyệt tại Quyết định số 95/QĐ- UBND-NĐ ngày 19/05/2014 và theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của Huyện đã được phê duyệt tại Quyết định số 36/QĐ-UBND-NĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thì tại vị trí thửa đất số 164, tờ bản đồ số 03, được quy hoạch mục đích sử dụng là đất giao thông và đất ở tại nông thôn.

Nếu các hộ dân nói trên đủ các điều kiện cấp giấy theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 thì sẽ được xem xét cấp giấy chứng nhận theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét và không cung cấp chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: ông Võ Văn D có đơn khởi kiện đối với ông Lê Văn C, ông Lê Văn B, ông Lê Văn T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất có địa chỉ tại xã H, huyện T. Theo quy định tại khoản 2, Điều 26, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn C, ông Lê Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N, anh Lê Văn T, anh Lê Văn S, anh Lê Văn K, bà Lê Thị L, chị Lê Thị Bích T, anh Lê Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, hòa giải nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Phiên tòa hôm nay

các đương sự nêu trên vắng mặt không lý do đã được triệu tập hợp lệ hai lần theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là đúng quy định pháp luật.

Đối với bà E, chị Võ Thị H, chị Võ Thị D, bà Võ Thị T1, Võ Thị T2, chị Võ Thị L, anh Võ Văn K, chị Võ Thị B, anh Võ Văn T, chị Võ Thị M, bà Thái Thị C, chị Võ Thị Thanh N, chị Võ Thị Thủy T, anh Võ Minh T, Ủy ban nhân dân huyện T có Người đại diện theo pháp luật ông Huỳnh Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Võ Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn C, ông Lê Văn T, ông Le Văn B phải trả lại quyền sử dụng đất đã bao chiếm. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp quyền sử dụng đất theo Luật đất đai năm 2013.

[4] Về nội dung: ông Võ Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn C, ông Lê Văn T, ông Lê Văn B phải trả lại cho ông Võ Văn D phần đất có tổng diện tích qua đo đạc thực tế là 3.083m^2, thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã H, huyện T. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến nay không có văn bản ý kiến gởi đến Tòa án.

Qua thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay: Hội đồng xét xử nhận định đất tranh chấp có nguồn gốc vào năm 1991 Nhà nước cấp cho ông Võ Văn L và con ông Võ Văn L (ông Võ Văn C) 10 mẫu đất và mua thêm của ông P 1 mẫu. Tổng cộng 11 mẫu, sau khi được cấp gia đình ông Võ Văn D quản lý sử dụng. Năm 1993 Nhà nước tiến hành múc kênh A nên có múc ngang phần đất của gia đình ông Võ Văn D, từ đó chia đất ra làm 2 phần. Phần hướng Tây Bắc của kênh A thì đã bán lại cho người khác, phần còn lại Đông Nam của kênh thì gia đình tiếp tục sử dụng. Do Nhà nước thi công lộ A – H nên trưng dụng phần đất cập kênh A, phần nằm trong quy hoạch thì không cấp QSD đất, diện tích đất nằm ngoài quy hoạch thì cấp QSD đất và canh tác lúa đến nay. Năm 2003- 2004 ông Lê Văn C, ông Lê Văn B, ông Lê Văn T bao chiếm phần đất tranh chấp trồng cây.

Năm 2007 các bên phát sinh tranh chấp, Ủy ban nhân dân xã H tiến hành lập biên bản giữ nguyên hiện trạng các bên thống nhất. Đến năm 2009 ông Lê Văn C, ông Lê Văn B, ông Lê Văn T tiếp tục trồng cây trên đất tranh chấp, sau đó Ủy ban nhân dân xã H mời các bên lập biên bản giữ nguyên hiện trạng và phát sinh tranh chấp đến nay.

Phiên tòa hôm nay ông Võ Văn D cho rằng diện tích đất tranh chấp là của gia đình ông là có cơ sở. Bởi lẽ, trình bày của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cụ thể: Danh sách và sơ đồ cấp đất vào năm 1991 và xác nhận vào năm 2014 của ông Trần Văn L là tổ trưởng tổ hợp tác số 03 trước đây (hiện nay đã chết) và những người làm chứng khác như gia

đình ông Võ Văn N, anh Huỳnh Văn T, anh Huỳnh Văn P có đất được cấp cùng thời điểm.

Mặt khác, sau khi được cấp đất gia đình ông Võ Văn L có đào đường nước cập với đất tranh chấp để dẫn vào ruộng canh tác, hiện nay hiện trạng đường nước vẫn còn, ngoài ra theo xác nhận của ông Trần Văn L thì hộ ông Lê Văn C, ông Lê Văn B, ông Lê Văn T được cấp đất ở nơi khác, không được cấp đất ở khu vực này. Ngoài ra, theo xác nhận của Công an xã H bị đơn và người liên quan đăng ký hộ khẩu ở địa phương ấp Y, xã H từ năm 1998 đến nay trong khi ông Võ Văn L đã được cấp đất vào năm 1991, trước khi các bị đơn và người liên quan về địa phương sinh sống.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án đến nay không có văn bản ý kiến gởi đến Tòa án để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh cho quyền lợi của mình là có căn cứ, mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt theo quy định. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, tại văn bản của Ủy ban nhân dân huyện T diện tích đất tranh chấp có một phần đất quy hoạch đất giao thông và đất tại nông thôn, qua xem xét thẩm định tại chổ ngày 17/09/2019 đất quy hoạch giao thông có diện tích 1.751m^2. Phần diện tích còn lại 1.779m^2 là đất ở nông thôn. Xét thấy phần đất quy hoạch giao thông hiện nay do Ủy ban nhân dân huyện T quản lý, phần đất ở nông thôn Ủy ban huyện sẽ cấp QSD cho dân nếu đủ điều kiện. Do đó phần diện tích nêu trên hộ ông Võ Văn D có quyền quản lý, sử dụng và đi kê khai đăng ký QSD đất khi cần.

Phiên tòa hôm nay ông Võ Văn D thống nhất nếu Nhà nước quy hoạch đất giao thông, ông đồng ý, diện tích còn lại nằm ngoài quy hoạch đất giao thông ông yêu cầu được sử dụng.

Về quá trình sử dụng đất: Diện tích đất tranh chấp gia đình ông Lê Văn C, ông Lê Văn B, ông Lê Văn T sử dụng trồng cây từ năm 2003 đến nay.

[5] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn D đối với ông Lê Văn C, ông Lê Văn B. Buộc hộ ông Lê Văn C di dời các cây trồng trên diện tích 2.097m^2 đất cho gia đình ông Võ Văn D sử dụng (trong đó có 1.339m^2 đất quy hoạch giao thông của địa phương). Buộc hộ ông Lê Văn B di dời các cây trồng trên diện tích 986m^2 đất cho gia đình ông Võ Văn D sử dụng (trong đó có 440m^2 đất quy hoạch giao thông của địa phương). Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Về tài sản gắn liền với đất gồm có cây trồng trên đất như sau: 386 cây bạch đàn, 55 cây chuối, 15 cây đu đủ. Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Về giá đất: Căn cứ vào biên bản định giá tài sản, đất tranh chấp có giá là 70.000đ/1m^2, do đó căn cứ vào giá đất nêu trên khi giải quyết vụ án.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn D đối với ông Lê Văn C, ông Lê Văn B, ông Lê Văn T. Buộc các bị đơn và người liên quan đến bị đơn di dời các cây trồng nêu trên trả lại đất cho ông Võ Văn D. Ông Võ Văn D được sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 3.083m^2 là có căn cứ.

Về chi phí đo đạc đất tổng số tiền là 3.573.000đ ông Võ Văn D tự nguyện chịu, ông Võ Văn d đã nộp xong.

Về chi phí định giá số tiền 400.000đ, ông Võ Văn D tự nguyện chịu, ông Võ Văn D đã nộp xong.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Do yêu cầu của ông Võ Văn D được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 26, 100, 166, 203 Luật đất đai năm 2013.

- Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ ông Võ Văn D đối với hộ ông Lê Văn C, anh Lê Văn T và hộ ông Lê Văn B.

2/- Hộ ông Võ Văn D được sử dụng phần diện tích đất 3.083m^2, (trong đó có phần đất quy hoạch giao thông có diện tích 1.304 m^2 và phần diện tích còn lại 1.779m^2 là đất ở nông thôn) đúng quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

3/- Buộc hộ ông Lê Văn C, anh Lê Văn T, bà Võ Thị N, anh Lê Văn S, anh Lê Văn K di dời các cây trồng gồm: 55 cây chuối, 15 cây đu đủ, 232 cây bạch đàn trên phần đất tranh chấp trả lại cho hộ ông Võ Văn D diện tích 2.097m^2, thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Phần giáp kênh A, vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Bắc: Giáp kênh A, đo từ mốc M3 đến mốc M4, M5 có chiều dài là 51,36m.

- Hướng Tây: Giáp thửa 164, đo từ mốc M2 đến mốc M3 có chiều dài là 11,09m.

- Hướng Đông: Giáp thửa 164, đo từ mốc M5 đến mốc M19 có chiều dài là 12,55m.

- Hướng Nam: Giáp hiện trạng đường A-H, đo từ mốc M19 đến mốc M2 có chiều dài là 50,2m.

Diện tích qua đo đạc thực tế 594m^2.

Phần giáp hiện trang đường A-H, vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Bắc: Giáp hiện trạng đường A-H, đo từ mốc M1 đến mốc M18, có chiều dài là 49,7m.

- Hướng Tây: Giáp thửa 164, đo từ mốc M1 đến mốc M17 có chiều dài là 38,79m.

- Hướng Đông: Giáp thửa 164, đo từ mốc M18 đến mốc M13 có chiều dài là 24,39m.

- Hướng Nam: Giáp thửa 164 do gia đình ông Võ Văn D sử dụng, đo từ mốc M13 đến mốc M14, M15, M16, M17 có chiều dài là 52,95m.

Diện tích qua đo đạc thực tế 1.503m^2.

(Có sơ đồ và biên bản xem xét, thẩm định tại chổ ngày 24/03/2019 kèm theo).

4/- Buộc hộ ông Lê Văn B, bà Lê Thị L, chị Lê Thị Bích T, anh Lê Văn D di dời các cây trồng trên phần đất tranh chấp gồm: 154 cây bạch đàn trả lại cho hộ ông Võ Văn D diện tích 986 m^2, thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Phần giáp kênh A, vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Bắc: Giáp kênh A, đo từ mốc M5 đến mốc M6 có chiều dài là 40,2m.

- Hướng Tây: Giáp thửa 164, đo từ mốc M5 đến mốc M19 có chiều dài là 12,55m.

- Hướng Đông: Giáp thửa 164, đo từ mốc M6 đến mốc M7, M8 có chiều dài là 13,31m.

- Hướng Nam: Giáp hiện trạng đường A-H, đo từ mốc M19 đến mốc M8, có chiều dài là 41,7m.

Diện tích qua đo đạc thực tế 485m^2.

Phần giáp hiện trang đường A-H, vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Bắc: Giáp hiện trạng đường A-H, đo từ mốc M18 đến mốc M9, có chiều dài là 35,4m.

- Hướng Tây: Giáp thửa 164, đo từ mốc M18 đến mốc M13 có chiều dài là 24,39m.

- Hướng Đông: Giáp thửa 164, đo từ mốc M9 đến mốc M10, M11, M12 có chiều dài là 22,32m.

- Hướng Nam: Giáp thửa 164 do gia đình ông Võ Văn D sử dụng, đo từ mốc M12 đến mốc M13, có chiều dài là 26,03m.

Diện tích qua đo đạc thực tế 501m^2.

(Có sơ đồ và biên bản xem xét, thẩm định tại chổ ngày 24/03/2019 kèm theo).

5/- Hộ ông Võ Văn D có quyền đi kê khai đăng ký QSD đất theo quy định pháp luật.

6/- Về chi phí đo đạc đất tổng số tiền là 3.573.000đ (Ba triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng), ông Võ Văn D tự nguyện chịu, ông Võ Văn D đã nộp xong.

7/- Về chi phí định giá số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), ông Võ Văn D tự nguyện chịu, ông Võ Văn D đã nộp xong.

8/- Về án phí:

- Buộc hộ ông Lê Văn C, anh Lê Văn T, bà Võ Thị N, anh Lê Văn S, anh Lê Văn K phải chịu 7.339.000đ (Bảy triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc hộ ông Lê Văn B, bà Lê Thị L, chị Lê Thị Bích T, anh Lê Văn D phải chịu 3.451.000đ (Ba triệu bốn trăm năm mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Võ Văn D (do chị Nguyễn Thị H nộp thay) được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 17191, quyển số 344 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa liên quan. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Đông Cúc

Nơi nhận:
- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Đông Cúc

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Đông Cúc